

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04/02/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Khuyển

2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Sơn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 1998 chị H và anh Sơn T quen biết và cùng nhau tiến tới hôn nhân, năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T có quen bạn gái bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tháng 3/2024 vợ chồng ly thân, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Sơn T.

-Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Sơn L, sinh ngày 18/4/1999, Sơn Thị Huỳnh N sinh ngày 13/4/2002 đã thành niên sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sơn T vắng mặt nên không có trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H ly hôn anh T. Về con chung: Sơn L, sinh ngày 18/4/1999, Sơn Thị Huỳnh N sinh ngày 13/4/2002 đã thành niên sống tự lập không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, về nợ chung:Chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị H và anh T là tranh chấp về ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị H xin xét xử vắng mặt, anh Sơn T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị H và anh Sơn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 15/9/2006 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị H xin ly hôn anh T, theo lời khai của chị H thì sau khi cưới nhau vợ chồng sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T có quen bạn gái bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tháng 3/2024 vợ chồng ly thân, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, bỏ mặt nhau, sống không hạnh phúc nên chị H cương quyết xin được ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập chị H và anh T đến Tòa án để hoà giải việc hôn nhân của anh chị, nhưng anh T không đến để giải quyết hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn anh T là tự nguyện có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Sơn L, sinh ngày 18/4/1999, Sơn Thị Huỳnh N sinh ngày 13/4/2002 đã thành niên sống tự lập, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Thạch T1.

- Về con chung: Sơn L, sinh ngày 18/4/1999, Sơn Thị Huỳnh N sinh ngày 13/4/2002 đã thành niên sống tự lập, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011472 ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh